

Số: 1160 /TB-STNMT

Lang Sơn, ngày 12 tháng 11 năm 2012

THÔNG BÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo thăm dò mỏ đá vôi Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ của Hợp tác xã dịch vụ vận tải nông lâm số I huyện Bình Gia (Chủ đầu tư) về việc đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia;

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở: Công thương, Xây dựng thẩm định, có ý kiến như sau:

1. Báo cáo thăm dò: Được lập theo phụ lục 3 Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về trình tự, thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong Báo cáo thăm dò khoáng sản; Báo cáo cơ bản đã đánh giá được:

- Đặc điểm cấu trúc địa chất khu mỏ.
- Tài liệu thu thập được đủ độ tin cậy tính trữ lượng cấp 121 và 122.
- Đặc điểm, tính chất cơ lý và chất lượng của đá vôi trong khu vực thăm dò.

- Điều kiện địa chất thủy văn, địa chất công trình và điều kiện khai thác mỏ phục vụ cho công tác thiết kế khai thác và những yếu tố tác động đến môi trường.

2. Yêu cầu chủ đầu tư làm rõ, bổ sung và chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Điều chỉnh lại nhóm mỏ cho phù hợp với kết quả trong Báo cáo.
- Chương I bổ sung nội dung tóm tắt hiện trạng khai thác, sản lượng khai thác,...

- Tại mục III.2.1 (Trang 20) sửa lại cụm từ "khu Yên Sơn".

- Tại trang 28 mô tả nhánh suối phía bắc khu mỏ chảy vào sông Trung là chưa chính xác (Vì sông Trung thuộc huyện Hữu Lũng).

- Nội dung công tác trắc địa phải thực hiện đầy đủ theo quy định tại phụ lục 06 ban hành kèm theo Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bảng tổng hợp các giá trị thực hiện công tác thăm dò để tính toán lại theo bộ đơn giá năm 2010 kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-BTNMT ngày 10/11/2010 với mức tiền lương tối thiểu theo quy định hiện hành.

- Bổ sung ngành, nghề kinh doanh theo quy định tại Điều 34 Luật Khoáng sản năm 2010.

Từ những những nhận xét trên, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị chủ đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung phải có Văn bản giải trình cụ thể; trang bìa thuyết minh Báo cáo thăm dò, phụ lục bổ sung dòng chữ: "Đã được chỉnh sửa theo thông báo số/TB-STNMT ngày.... tháng năm..... của Sở Tài nguyên và Môi trường".

Hồ sơ sau chỉnh sửa, bổ sung nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường 03 bộ.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Chủ đầu tư biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các Sở: Công thương, Xây dựng;
- Lãnh đạo Sở;
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;
- HTX dịch vụ vận tải nông lâm số I huyện Bình Gia;
- Đơn vị tư vấn;
- Lưu: VT, TNKSĐC, Th(12).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Duyệt

**HỢP TÁC XÃ SỐ I
HUYỆN BÌNH GIA**

Số: 1.6../PDTL-2012

V/v: trình thẩm định, xét và phê
duyet trữ lượng mỏ đá vôi Nà Deng -
xã Hoàng Văn Thụ - huyện Bình Gia -
tỉnh Lạng Sơn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 11 năm 2012

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 7704

Ngày 29 tháng 11 năm 12

Kính gửi : - Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn
- Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn

Hợp tác xã số I – huyện Bình Gia đã hoàn thành công tác thi công công trình thăm dò: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực mỏ đá vôi Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Hợp tác xã số I – huyện Bình Gia đã thành lập báo cáo kết quả thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực mỏ đá vôi Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Hợp tác xã số I – huyện Bình Gia xin chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về tính trung thực, chính xác của các tài liệu nguyên thủy trong nội dung báo cáo.

Hợp tác xã số I – huyện Bình Gia kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản để làm cơ sở xin cấp phép khai thác mỏ./.

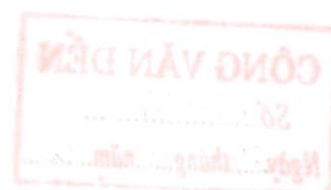
HỢP TÁC XÃ SỐ I – HUYỆN BÌNH GIA

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HS, VT.



CHỖ NHIỆM
Bùi Hồng Quang



CHỖ NHẬN
Đã tiếp nhận

BẢN SAO

UBND HUYỆN BÌNH GIA
PHÒNG TC - KH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH HỢP TÁC XÃ

Số: 1407D00010

Đăng ký kinh doanh lần đầu, ngày 06 tháng 12 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 11 năm 2012

1. Tên hợp tác xã: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ - VẬN TẢI - NÔNG LÂM SỐ 1**

Tên giao dịch: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ - VẬN TẢI - NÔNG LÂM SỐ 1**

Tên viết tắt:

2. Trụ sở giao dịch: **Khu 2, Thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn**

Điện thoại:Fax:

3. Ngành nghề kinh doanh: **Kinh doanh dịch vụ tổng hợp, vận tải hàng hóa, thu mua chế biến lâm sản, tiêu thụ hàng nông lâm sản, khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, thăm dò khoáng sản, xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và hạ tầng viễn thông.**

4. Vốn điều lệ: **700.000.000 đồng**

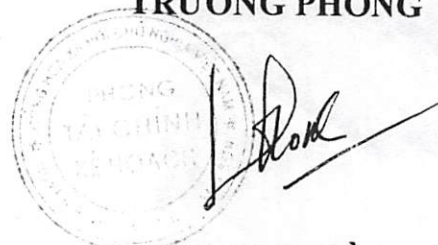
Trong đó bằng tiền: **500.000.000 đồng**

5. Điều lệ Hợp tác xã Dịch vụ vận tải Nông lâm số 1 đã được Đại hội xã viên thông qua ngày 19/10/2010.

6. Danh sách Ban quản trị Hợp tác xã:

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi thường trú	Chức danh
01	Bùi Hồng Quang	1961	Khu 3, Thị trấn Bình Gia huyện Bình Gia - tỉnh Lạng Sơn	Chủ nhiệm Hợp tác xã
02	Lương Văn Các	1955	Số 96 Trần Hưng Đạo - Phường Chi Lăng Thành Phố Lạng Sơn - tỉnh Lạng Sơn	Ủy viên Ban quản trị
03	Đào Văn Xuân	1968	Thôn Pá Nim - xã Tô Hiệu huyện Bình Gia - tỉnh Lạng Sơn	Thành viên Ban quản trị

TRƯỞNG PHÒNG

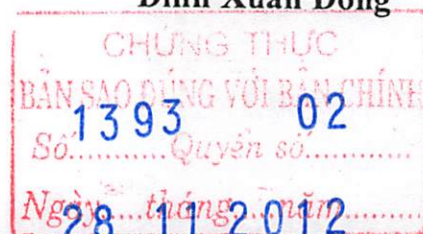


Đinh Xuân Đồng

UBND PHƯỜNG CHI LĂNG
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Lập



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN**

***Báo cáo: Thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
Mỏ Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.***

Căn cứ hợp đồng kinh tế số: 15/HĐKT/2012 ngày 10 tháng 8... năm 2012 giữa Hợp tác xã số I – huyện Bình Gia và Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Nhân Hòa về việc Thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Hôm nay, ngày 20.. tháng 09.. năm 2012 tại trụ sở Hợp tác xã số I – huyện Bình Gia. Chúng tôi tiến hành nghiệm thu khối lượng và giá trị công tác thăm dò đó thực hiện được.

Thành phần nghiệm thu gồm:

Bên A: Hợp tác xã số I – huyện Bình Gia

Ông (bà):

Chức vụ:

Ông (bà):

Chức vụ:

Bên B: công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Nhân Hòa

Ông: *Nguyễn Văn Lạng*

Chức vụ: Giám đốc.

Ông: *Vũ Trọng Nghĩa*

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và giá trị công tác thăm dò khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường tại khu vực Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn do Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Nhân Hòa đó thực hiện như sau:

I. Khối lượng và giá trị (Xem bảng tổng hợp khối lượng và giá trị thực hiện)

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN

**DỰ TOÁN CHI PHÍ THĂM DÒ MỎ ĐÁ VÔI LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG KHU MỎ NÀ DENG
XÃ HOÀNG VĂN THỤ - HUYỆN BÌNH GIA - TỈNH LẠNG SƠN**

(Áp dụng Bộ đơn giá các công trình địa chất năm 2010 của Bộ Tài nguyên - Môi trường)

Bảng số: VII.1

ĐVT: VNĐ

STT	Hạng mục công việc	Đơn giá	Khối lượng	Điều kiện thi công	Đơn giá		Thành tiền
					Trang, bảng	Đơn giá	
A	CHI PHÍ THĂM DÒ						
I	Lập Đề án						5,656,296
1	Khảo sát thực địa	T/tổ	0.1	Xem kết quả tính ở Bảng 7-2		38,585,660	3,858,566
2	Lập Đề án	T/tổ	0.1	Xem kết quả tính ở Bảng 7-2		17,977,300	1,797,730
II	Thi công đề án						75,470,537
1	Công tác địa chất						6,467,499
1.1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ 1/2.000						
	Công tác ngoài trời	km ²	0.010	CTĐC phức tạp (L.III)	Tr. 35	121,984,296	1,219,843
	Tổng hợp trong phòng	km ²	0.010	CTĐC phức tạp (L.III)	Tr. 37	176,905,089	1,769,051
1.2	Công tác khai đào						
	Công tác đào vét các điểm lộ	m ³	15	Đá cấp IV	Tr. 105	231,907	3,478,605
2	Công tác trắc địa						41,312,852
2.1	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000	km ²	0.010	Địa hình loại IV	Tr. 292	113,064,242	1,130,642
2.2	Xác định tuyến thăm dò	km	0.2	Địa hình loại IV	Tr. 285	1,820,405	562,505
2.3	Lập lưới giải tích I	điểm	2	Địa hình loại IV	Tr. 288	16,003,393	32,006,786
2.4	Lập lưới thủy chuẩn kỹ thuật	km	1	Địa hình loại IV	Tr. 291	1,503,570	1,503,570
2.5	Cắm mốc ranh giới	điểm	4	Địa hình loại IV	Tr. 286	1,527,337	6,109,348

3	Công tác lấy gia công, phân tích mẫu						21,417,996
3.1	Lấy mẫu						
	Lấy mẫu hóa	mẫu	8	Đá cấp VII - VIII	Tr. 45	171,448	1,371,584
	Lấy mẫu thạch học lát mỏng	mẫu	4	Đá cấp VII - VIII	Tr. 45	92,226	368,904
	Lấy mẫu cơ lý	mẫu	4	Đá cấp VII - VIII	Tr. 45	443,227	1,772,908
	Lấy mẫu bảm dính	mẫu	2	Đá cấp VII - VIII	Tr. 45	443,227	886,454
	Lấy mẫu nén đập	mẫu	2	Đá cấp VII - VIII	Tr. 45	443,227	886,454
	Lấy mẫu mài mòn	mẫu	2	Đá cấp VII - VIII	Tr. 45	443,227	886,454
3.2	Gia công mẫu						
	Gia công mẫu phân tích hóa	mẫu	8	7 - 12kg	Tr. 117	188,728	1,509,824
	Gia công mẫu thạch học	mẫu	2	Lát mỏng	Tr. 119	103,849	207,698
3.3	Phân tích mẫu						
	Phân tích mẫu hóa cơ bản	mẫu	8	CaO+MgO+MKN+CKT	Tr.127-128	218,284	1,746,272
	Phân tích mẫu cơ lý đá	mẫu	4	phân tích mẫu toan diện	Tr. 140	2,694,447	10,777,788
	Phân tích mẫu thạch học	mẫu	4		Tr.142	250,914	1,003,656
	Phân tích mẫu bảm dính	mẫu	2		Tr.140	267,476	534,952
	Phân tích mẫu nén đập	mẫu	2		Tr.140	267,476	534,952
	Phân tích mẫu mài mòn	mẫu	2		Tr.140	267,476	534,952
4	Đo vẽ bản đồ ĐCTV - ĐCCT 1/5.000						6,272,190
	Công tác thực địa	km ²	0.010		Tr. 158	19,773,472	197,735
	Công tác trong phòng	km ²	0.010		Tr. 165	7,445,539	74,455
	Mua tài liệu khí tượng thủy văn		1			6,000,000	6,000,000
	CỘNG TRỰC TIẾP A						81,126,833
III	Lập can in Báo cáo và nộp lưu trữ						38,604,574
1	Lập Báo cáo (Áp dụng QGG 56/1999 BCN: Giá trị chi phí TD < 1 tỷ tính 8%*II)						6,037,643
2	Số hoá bản đồ			Xem kết quả tính ở Bảng 7-3			32,027,931
3	Can in nộp lưu trữ			Xem kết quả tính ở Bảng 7-3			539,000
IV	Chi phí khác						13,773,527
1	Lán trại tạm tại hiện trường 5%*II	đồng					3,773,527
2	Lệ phí cấp giấy phép thăm dò	đồng					4,000,000
3	Vận chuyển thiết bị, lao động đi về						6,000,000
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)						133,504,933
V	Chi phí thẩm định đánh giá trữ lượng						10,000,000
	(Áp dụng Quyết định 27/1999/QĐ-BCN (mức thu: Một tỷ đầu thu 10 triệu. Phần còn lại tính 0.5%))						
	Tổng giá trị trước thuế						143,504,933
	Thuế GTGT						14,350,493
	TỔNG CỘNG TOÀN PHƯƠNG ÁN						157,855,427

Bảng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi năm ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng.

Tổng giá trị thực tế thực hiện được nghiệm thu thanh lý là: 157.855.427VNĐ.

(Bảng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi năm ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng)

Giá trị trên đó chưa gồm thuế giá trị gia tăng (VAT): 10%.

II. Kỹ thuật

Bên B đã thực hiện đúng kỹ thuật theo đề án phê duyệt.

Biên bản được lập thành 4 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 2 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



CHỦ NHIỆM
Bai Hong Quang



GIÁM ĐỐC
Nguyễn V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

**Báo cáo thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi Nà Deng
xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.**

1. Họ và tên người nhận xét: **Nông Trọng Dương**
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: **Kỹ sư địa chất thăm dò**
3. Nơi công tác: **Sở Công Thương Lạng Sơn**
 - Địa chỉ: **Số 9A- Lý Thái Tổ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn**
 - Điện thoại: **0253.871.492**
4. Tên dự án: ***Báo cáo kết quả thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực mỏ Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.***
5. Chủ dự án: **Hợp tác xã dịch vụ vận tải nông lâm số I – huyện Bình Gia.**
6. Cơ quan tư vấn: **Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Nhân Hòa.**
7. Nhận xét về nội dung báo cáo thăm dò khoáng sản:
 - 7.1. ***Những nội dung đạt yêu cầu (nêu các nhận xét chung, ngắn gọn về những nội dung đạt yêu cầu của Báo cáo).***
 - Báo cáo được lập theo Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục, trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản.
 - Nội dung của báo cáo cơ bản xác định được:
 - + Đặc điểm cấu trúc địa chất khu mỏ.
 - + Trữ lượng cấp tính ở cấp 121.
 - + Sơ bộ nghiên cứu đặc điểm tính chất cơ lý và chất lượng của đá vôi trong khu vực thăm dò, định hướng cho việc sử dụng chúng.
 - + Điều kiện địa chất thủy văn, công trình và điều kiện khai thác mỏ, phục vụ cho công tác thiết kế khai thác, và những yếu tố tác động đến môi trường chung của khu vực thực hiện dự án.
 - 7.2. ***Những nội dung chưa đạt yêu cầu, cần chỉnh sửa, bổ sung (Nhận xét chi tiết cụ thể từng nội dung và theo trình tự chương mục, các phụ lục báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về trình tự, thủ tục***

trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản):

7.3. Những đề nghị và lưu ý khác (nếu có):

Về cơ bản nội dung đạt yêu cầu, tuy nhiên cần lưu ý chỉnh sửa lại một số vấn đề sau

1. Mục Cơ sở phân chia nhóm mỏ

- Nhầm địa danh (tại Mục III.2.1 'trang 20'. dòng 16 từ dưới lên, xem lại tên địa danh khu vực thăm dò lại là Yên Sơn)

- Thống nhất lại mạng lưới thăm dò, khoảng cách giữa các tuyến cho phù hợp với nhóm mỏ. (Đối với mỏ nhóm I, thì khoảng cách giữa các tuyến là 100). Đề nghị cần điều chỉnh lại nhóm mỏ cho phù hợp với kết quả trong báo cáo.

2. Công tác bảo vệ môi trường (trang 28)

Mô tả nhánh suối phía bắc khu mỏ đổ vào sông Trung là sai (sông Trung là khu vực huyện Hữu Lũng).

8. Kết luận và đề nghị (trong đó cần nêu rõ ý kiến có đồng ý hay không đồng ý thông qua báo cáo):

Đồng ý thông qua sau khi chỉnh sửa bổ sung.

Trên đây là một số nhận xét của cá nhân đối với báo cáo thăm dò khu mỏ đá vôi Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn./.

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 10 năm 2012

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT



Nông Trọng Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

**Báo cáo thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi Nà Deng
xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.**

1. Họ và tên người nhận xét: **Hoàng Cao Thượng**
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: **Kỹ sư địa chất thăm dò**
3. Nơi công tác: **Sở Công Thương Lạng Sơn - Số 9A, Lý Thái Tổ, P.Đông Kinh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.**
Điện thoại: 0253.871.492
4. Tên dự án: ***Báo cáo kết quả thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực mỏ Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.***
5. Chủ dự án: **Hợp tác xã số I – huyện Bình Gia.**
6. Cơ quan tư vấn: **Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Nhân Hòa.**
7. Nhận xét về nội dung báo cáo thăm dò khoáng sản:
 - 7.1. *Những nội dung đạt yêu cầu (nêu các nhận xét chung, ngắn gọn về những nội dung đạt yêu cầu của Báo cáo).*
 - Báo cáo được lập theo Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục, trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản.
 - Nội dung của báo cáo cơ bản xác định được:
 - + Đặc điểm cấu trúc địa chất khu mỏ.
 - + Trữ lượng cấp tính ở cấp 121.
 - + Sơ bộ nghiên cứu đặc điểm tính chất cơ lý và chất lượng của đá vôi trong khu vực thăm dò, định hướng cho việc sử dụng chúng.
 - + Điều kiện địa chất thủy văn, địa chất công trình và điều kiện khai thác mỏ, phục vụ cho công tác thiết kế khai thác, và những yếu tố tác động đến môi trường chung của khu vực thực hiện dự án.
 - 7.2. *Những nội dung chưa đạt yêu cầu, cần chỉnh sửa, bổ sung (Nhận xét chi tiết cụ thể từng nội dung và theo trình tự chương mục, các phụ lục báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về trình tự, thủ tục*

trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản):

Trang 20:

Mục III.2.1. Cơ sở phân chia nhóm mỏ. dòng 16 từ dưới lên, xem lại tên địa danh khu vực thăm dò.

Mục III.2.3. Công tác khai đào. Xem lại nội dung cho hợp lý.

Trang 28:

Mục III.3. Công tác bảo vệ môi trường. dòng đầu tiên từ trên xuống, cần xem và chỉnh sửa lại nội dung cho chính xác. (khu vực thực hiện dự án không có sông Trung – tên địa danh này thuộc huyện Hữu Lũng)

Cần đánh giá kỹ hơn về chất lượng thi công, độ tin cậy của các tài liệu thu thập được từ các công trình thăm dò.

7.3. Những đề nghị và lưu ý khác (nếu có):

- Theo Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT, ngày 31/12/2007 Quyết định về việc ban hành quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat. Với mạng lưới định hướng các công trình thăm dò đối với nhóm mỏ cấp I, tuyến mẫu mặt với trữ lượng cấp 121 khoảng cách giữa các tuyến thăm dò là 100. Bởi vậy trong công tác thăm dò nên áp dụng theo quy định này của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phần Phụ lục bản vẽ:

Các bản vẽ bản đồ ĐCCT – ĐCTV, bình đồ phân khối và tính trữ lượng, bản đồ địa chất mỏ.... cần chỉnh sửa lại tỷ lệ khoảng cách giữa các tuyến thăm dò cho chính xác.

8. Kết luận và đề nghị (trong đó cần nêu rõ ý kiến có đồng ý hay không đồng ý thông qua báo cáo):

Đồng ý thông qua sau khi đã chỉnh sửa bổ sung.

Trên đây là một số nhận xét của cá nhân đối với báo cáo thăm dò khu mỏ đá vôi Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn./.

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 10 năm 2012

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT



Hoàng Cao Thượng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN NHẬN XÉT

**Đề án thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ,
huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.**

1. Họ và tên người nhận xét: **Trịnh Thị Thủy.**
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: **Kỹ sư xây dựng, Phó trưởng phòng Kinh tế, Kế hoạch và VLXD.**
3. Nơi công tác: **Sở Xây dựng Lạng Sơn.**
 - Địa chỉ: **Số 7, đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn.**
 - Điện thoại: **025.3816.336** Fax: **025.3812.237**
4. Tên dự án: **Đề án thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.**
5. Chủ đầu tư: **Hợp tác xã số I - huyện Bình Gia.**
6. Đơn vị tư vấn: **Công ty Cổ phần thiết kế và xây dựng Nhân Hoà.**
7. Nhận xét về nội dung đề án thăm dò khoáng sản:

Nhận xét theo các tiêu chí:

7.1. Điều kiện ngành nghề của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản: Hợp tác xã số I - huyện Bình Gia có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã số 1407D00010 đăng ký lần đầu ngày 06/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/11/2010, trong đó có ngành khai thác, sản xuất vật liệu. Đối chiếu với quy định tại Điều 34 Luật Khoáng sản, Công ty đủ điều kiện thăm dò khoáng sản.

7.2. Điều kiện hành nghề của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản (đơn vị tư vấn): Công ty Cổ phần thiết kế và xây dựng Nhân Hoà có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101659342 đăng ký lần đầu ngày 20/5/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/6/2012, trong đó có ngành khoan, thăm dò khoáng sản. Đối chiếu với quy định tại Điều 35 Luật Khoáng sản, Công ty có đủ điều kiện năng lực hoạt động thăm dò. Hiện nay Bộ TN&MT chưa có Thông tư hướng dẫn chi tiết về điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản do đó chưa có cơ sở để kiểm tra chứng chỉ hành nghề của từng các nhân tham gia thăm dò (chứng chỉ hành nghề của cá nhân Nguyễn Văn Lạng đã hết hạn hành nghề hoạt động xây dựng Khảo sát trắc địa công trình từ ngày 19/10/2011).

7.3. *Nội dung, hình thức đề án và các tài liệu kèm theo:* Đề án thăm dò mỏ đá Nà Deng đã xây dựng đầy đủ các nội dung đáp ứng theo quy định tại Điều 39 Luật Khoáng sản.

7.4. *Hệ phương pháp thăm dò phù hợp để xác định được trữ lượng, chất lượng khoáng sản, điều kiện khai thác, khả năng chế biến, sử dụng các loại khoáng sản có trong diện tích thăm dò:* Diện tích thăm dò phù hợp Điều 38 Luật Khoáng sản và các nội dung khác đủ điều kiện thăm dò.

7.5. *Khối lượng công tác thăm dò, số lượng, chủng loại mẫu vật cần lấy phân tích, bảo đảm đánh giá đầy đủ tài nguyên, trữ lượng, chất lượng khoáng sản theo mục tiêu thăm dò:* Đảm bảo về khối lượng, số lượng mẫu theo quy định.

7.6. *Giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn lao động, vệ sinh lao động trong quá trình thăm dò:* Đã dự báo và đề ra được các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thăm dò.

7.7. *Phương pháp tính trữ lượng:* Phù hợp với đặc điểm địa hình khu vực thăm dò

7.8. *Nội dung báo cáo kinh tế có phù hợp với các quy định hiện hành hay chưa:* Cơ bản đã áp dụng đúng các văn bản hiện hành, tuy nhiên hiện nay đã có Luật khoáng sản năm 2010 và Nghị định 15/NĐ-CP nhưng chưa có các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường nên một số văn bản vẫn còn hiệu lực như Quyết định 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006; Công văn 3006/BTNMT-VPTL ngày 14/7/2006 và Nghị định 15/NĐ-CP đã thay thế Nghị định 160/2005/NĐ-CP; Nghị định 07/2009/NĐ-CP.

7.9. *Nhưng nội dung không phù hợp với mục tiêu nhiệm vụ:*

Đề nghị lập lại dự toán chi phí thăm dò theo đơn giá mới nhất (năm 2011) phù hợp với mức lương tối thiểu (Nghị định số 70/2011/NĐ-CP, ngày 22/8/2011 của Chính phủ) và bỏ các căn cứ tại Mục VI.1 Chương VII hiện nay không còn phù hợp.

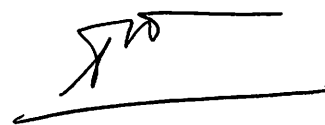
8. Kiến nghị: Không.

9. Đánh giá chung: (Thông qua; Thông qua sau khi chỉnh sửa; Không thông qua)

Nhất trí thông qua.

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 11 năm 2012

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT



Trịnh Thị Thủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

**Báo cáo thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi Nà Deng,
xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia**

1. Họ và tên người nhận xét: Lô Văn Thương.
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Kỹ sư Địa chất công trình - Địa kỹ thuật, Cán bộ Phòng Tài nguyên khoáng sản và Địa chất.
3. Nơi công tác: Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.
- Địa chỉ: Số 1 đường Lý Thái Tổ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.
- Điện thoại: 0984599508 Fax
4. Tên dự án: Báo cáo thăm dò mỏ đá vôi làm VLXD thông thường mỏ đá Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.
5. Chủ dự án: Hợp tác xã dịch vụ vận tải nông lâm số I huyện Bình Gia.
6. Cơ quan Tư vấn: Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và xây dựng Nhân Hòa.
7. Nhận xét về nội dung báo cáo thăm dò khoáng sản:
 - 7.1. *Điều kiện, ngành nghề của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản:*
Hợp tác xã dịch vụ vận tải nông lâm số I huyện Bình Gia: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã số 1407D00010 thì Hợp tác xã chưa đăng ký ngành nghề kinh thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 34 Luật khoáng sản năm 2010, chủ đầu tư cần đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định tại Điều 34 của Luật Khoáng sản năm 2010.
 - 7.2. *Điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản (Đơn vị tư vấn:*
Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và xây dựng Nhân Hòa: có đủ điều kiện và năng lực để thực hiện công tác thăm dò theo Điều 35 Luật khoáng sản năm 2010.
 - 7.3. *Những nội dung đạt yêu cầu (nêu các nhận xét chung, ngắn gọn về những nội dung đạt yêu cầu của Báo cáo)*
Báo cáo được lập theo Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về trình tự, thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản.
Báo cáo đã thể hiện được đặc điểm cấu trúc địa chất, đánh giá được chất lượng và trữ lượng đá vôi, điều kiện địa chất công trình và địa chất thủy văn trên diện tích được thăm dò.

7.4. Những nội dung chưa đạt yêu cầu, cần chỉnh sửa, bổ sung (Nhận xét chi tiết cụ thể từng nội dung và theo trình tự chương mục, các phụ lục báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về trình tự, thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản): Tại trang 40 của đề án thăm dò và tại Phụ lục 2 của Phụ lục áp dụng theo Quyết định số 1634/QĐ-CNCL là không phù hợp. Đề nghị đơn vị tính theo đơn giá công trình địa chất năm 2010 Quyết định số 2122/QĐ-BTNMT với mức tiền lương tối thiểu theo quy định hiện hành.

7.5. Những đề nghị và lưu ý khác (nếu có):

- Không có

8. Kết luận và đề nghị (trong đó cần nêu rõ ý kiến có đồng ý hay không đồng ý thông qua báo cáo):

- Nhất trí thông qua sau khi Chủ đầu tư đã chỉnh sửa và bổ sung./.

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 10 năm 2012
NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT



Lô Văn Thương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

Báo cáo thăm dò mỏ đá vôi Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia

1. Họ và tên người nhận xét: Nguyễn Hữu Trục
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Kỹ sư khai thác mỏ, Phó trưởng phòng tài nguyên Khoáng sản và Địa chất.
3. Nơi công tác: Sở Tài nguyên và Môi trường
 - Địa chỉ: Số 01, đường Lý Thái Tổ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.
 - Điện thoại: 0974.227.188
4. Tên dự án: Báo cáo thăm dò mỏ đá vôi Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
5. Chủ dự án: Hợp tác xã vận tải nông lâm số I huyện Bình Gia.
6. Cơ quan tư vấn: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Nhân Hòa đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 35 Luật Khoáng sản năm 2010.
7. Nhận xét về nội dung báo cáo thăm dò khoáng sản:
 - 7.1. *Những nội dung đạt yêu cầu (nêu các nhận xét chung, ngắn gọn về những nội dung đạt yêu cầu của Báo cáo)*
 - Được lập theo Phụ lục 3 Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về trình tự, thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản.
 - Thực hiện theo Đề án thăm dò trên cơ sở Giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản số 1459/GP-UBND ngày 23/9/2010 của UBND tỉnh cấp cho Hợp tác xã vận tải nông lâm số I huyện Bình Gia còn hiệu lực.
 - Đánh giá được:
 - + Cấu trúc địa chất khu mỏ.
 - + Tài liệu thu thập đủ độ tin cậy tính trữ lượng cấp 121
 - + Đặc điểm, tính chất cơ lý của đá vôi.
 - + Điều kiện địa chất thủy văn, địa chất công trình phục vụ cho việc thiết kế khai thác mỏ.
 - 7.2. *Những nội dung chưa đạt yêu cầu, cần chỉnh sửa, bổ sung (Nhận xét chi tiết cụ thể từng nội dung và theo trình tự chương mục, các phụ lục báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về trình tự, thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản):*

- Chương 1 Cần nêu khái quát hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản đã được cấp Giấy phép khai thác.
- Trang 20: Sửa lại cụm từ khu Yên Sơn
- Công tác trắc địa còn thiếu so với quy định tại Phụ lục 6 Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.3. *Những đề nghị và lưu ý khác (nếu có):* Chủ đầu tư cần bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định tại Điều 34 Luật Khoáng sản năm 2010.

8. *Kết luận và đề nghị (trong đó cần nêu rõ ý kiến có đồng ý hay không đồng ý thông qua báo cáo):*

Nhất trí thông qua sau khi chỉnh sửa, bổ sung./.

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 10 năm 2012

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT



Nguyễn Hữu Trục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

**Báo cáo thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi Nà Deng,
xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.**

1. Họ và tên người nhận xét: Đinh Hoàng Nguyên
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Kỹ sư Tuyển khoáng, Chuyên viên Phòng Tài nguyên khoáng sản và Địa chất.
3. Nơi công tác: Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.
 - Địa chỉ: Số 1 đường Lý Thái Tổ, phường Đông Kinh, TP Lạng Sơn.
 - Điện thoại: 0979455602 Fax:
4. Tên dự án: Thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi Nà Deng, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.
5. Chủ đầu tư: Hợp tác xã số I - Huyện Bình Gia.
6. Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Nhân Hòa
7. Nhận xét về nội dung báo cáo thăm dò khoáng sản:
 1. *Những nội dung đạt yêu cầu (nêu các nhận xét chung, ngắn gọn về những nội dung đạt yêu cầu của Báo cáo)*
 - Báo cáo được lập theo Quyết định Số: 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của bộ tài nguyên và môi trường Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục, trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản.
 - Báo cáo cơ bản đã xác định được:
 - + Đặc điểm cấu trúc địa chất khu mỏ.
 - + Xác định trữ lượng của mỏ: Trữ lượng cấp 121 và cấp 122.
 - + Sơ bộ nghiên cứu đặc điểm tính chất cơ lý và chất lượng của đá vôi trong khu vực thăm dò định hướng cho việc sử dụng chúng.
 - + Điều kiện địa chất thủy văn, công trình và điều kiện khai thác mỏ, phục vụ cho công thiết kế khai thác, và những yếu tố tác động đến môi trường chung của khu vực thực hiện dự án.
 2. *Những nội dung chưa đạt yêu cầu, cần chỉnh sửa, bổ sung (Nhận xét chi tiết cụ thể theo từng nội dung và theo trình tự tương mục, các phụ lục báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về trình tự, thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản) :*
 - Bảng tổng hợp giá trị thực hiện công tác thăm dò đề nghị tính toán lại theo bộ đơn giá năm 2010 Quyết định số 2122/QĐ-BTNMT..... với mức tiền lương tối thiểu theo quy định hiện hành.
 - Tại Chương I Khái quát về khu vực thăm dò đề nghị bổ sung nội dung Trình bày tóm tắt hiện trạng khai thác, sản lượng, hệ số tổn thất, trữ lượng khấu trừ.

- Nội dung báo cáo công tác trắc địa phải báo cáo đầy đủ theo quy định của phụ lục 06 (Phụ lục báo cáo ban hành kèm theo quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của bộ tài nguyên và môi trường Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục, trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản)

3. Kết luận và đề nghị (trong đó cần nêu rõ ý kiến có đồng ý hay không đồng ý thông qua báo cáo):

- Đề nghị chủ đầu tư bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định tại Điều 34 Luật Khoáng sản năm 2010.

- Đồng ý thông qua sau khi đã chỉnh sửa, bổ sung./.

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 10 năm 2012
NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT



Đinh Hoàng Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2012

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 15/HĐKT/2012

VỀ VIỆC:

**THI CÔNG THẨM DÒ, LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG
KẾT QUẢ THẨM DÒ MỎ ĐÁ VÔI NÀ DENG**

DỰ ÁN:

KHAI THÁC MỎ ĐÁ NÀ DENG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN:

XÃ HOÀNG VĂN THỤ, HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SON

GIỮA

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI NÔNG LÂM SỐ 1 HUYỆN BÌNH GIA

VÀ

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG NHÂN HÒA

Hà Nội, tháng năm 2012

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 và Nghị quyết số 45/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 17/11/2010 và có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2011. Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản và có hiệu lực thi hành ngày 25/4/2012;
- Luật Xây dựng ngày 16/2003/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26/11/2003 ;
- Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Quyết định số 06/2003/QĐ-BTNMT ngày 19/09/2003 của Bộ tài nguyên và môi trường về việc ban hành qui định trình tự thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản;
- Khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2012, tại trụ sở Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Nhân Hòa, chúng tôi gồm có :

BÊN A: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI NÔNG LÂM SỐ 1 HUYỆN BÌNH GIA

Địa chỉ : Khu II, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại : 0915306361

Fax:

Mã số thuế :

Đại diện : **Bùi Hồng Quang**

Chức vụ: Chủ nhiệm

BÊN B : CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG NHÂN HOÀ

Địa chỉ : 117B Khuong Đình - P.Hạ Đình - Q.Thanh Xuân - TP. Hà Nội

Điện thoại : 04.35690291

Fax: 043.5690291

Tài khoản số : 03001010226236 tại ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Hà Nội

Mã số thuế : 0101659342

Đại diện : **Nguyễn Văn Lạng**

Chức vụ : Giám đốc

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng kinh tế với nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện Thi công thăm dò, đánh giá trữ lượng và bảo vệ kết quả thăm dò, diện tích 1,0 ha;

ĐIỀU 2: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ NGHIỆM THU BÀN GIAO SẢN PHẨM:

2.1 Tiến độ thực hiện:

- Toàn bộ các nội dung của Hợp đồng dự kiến thực hiện : 30 ngày;

Thời gian trên không bao gồm thời gian chờ thẩm định và phê duyệt đồng thời được tính từ thời điểm bên B nhận được tiền tạm ứng từ bên A theo Điều 4, mục 4.1, mục 4.4 của hợp đồng và các tài liệu liên quan.

2.2 Nghiệm thu bàn giao sản phẩm

Nghiệm thu sản phẩm: Chất lượng sản phẩm tuân theo các quy định về quản lý chất lượng công trình được quy định trong Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ.

Số lượng hồ sơ bàn giao cho bên A: Ngoài số lượng hồ sơ nộp cho cơ quan quản lý Nhà nước, bên B bàn giao cho bên A 01 bộ hồ sơ + 01 đĩa CD ghi đầy đủ nội dung.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Gía trị hợp đồng khoán gọn : 128.239.484 VNĐ

Thuế VAT 10% : 12.823.948 VNĐ

Tổng Giá trị hợp đồng : 141.063.000 VNĐ

(Bằng chữ : Một trăm bốn mươi một triệu không trăm sáu mươi ba ngàn đồng chẵn).

ĐIỀU 4: TẠM ÜNG, NGHIỆM THU THANH QUYẾT TOÁN:

4.1. Tạm ứng Hợp đồng:

- Sau khi ký Hợp đồng trong vòng 05 ngày Bên A tạm ứng cho Bên B số tiền là: 50.000.000 VNĐ (Năm mươi triệu đồng chẵn).

4.2. Thanh quyết toán:

- Đợt 1: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày có Quyết định thẩm dò, bên A tạm tạm ứng tiếp cho bên B số tiền: 50.000.000 VNĐ (Năm mươi triệu đồng chẵn).
- Đợt 2: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt trữ lượng, bên A thanh toán cho bên B phần còn lại giá trị hợp đồng là 41.063.000 VNĐ (Bốn mươi một triệu không trăm sáu mươi ba ngàn đồng chẵn).

4.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

4.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI BÊN

5.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A:

- Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan phục vụ thực hiện các nội dung theo Điều 1 của hợp đồng:
- Cử cán bộ thường xuyên giám sát, nghiệm thu khối lượng, ký các biên bản nghiệm thu hiện trường, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình Bên B thực hiện nội dung công việc theo điều 1 của hợp đồng..
- Nộp hồ sơ cho các cơ quan chức năng tỉnh Lạng Sơn.
- Chi phí tổ chức hội nghị, các buổi làm việc, kiểm tra của các cơ quan chức năng về mỏ Nà Deng và lệ phí thẩm định nộp cho Nhà nước theo quy định do bên A chịu.
- Phối hợp Bên B tổ chức hội nghị bảo vệ kết quả thi công thẩm dò tại các cơ quan có chức năng của Nhà Nước.

- Nhận đủ hồ sơ, tài liệu, bản vẽ do Bên B giao theo đúng qui định của Nhà nước và nghiệm thu tổng thể khối lượng do Bên B thực hiện làm cơ sở thanh quyết toán Hợp đồng.
- Thanh toán cho bên B đúng theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B:

- Sau khi Bên A chuyển cho Bên B đầy đủ tài liệu liên quan đến nội dung thực hiện hợp đồng và tiền tạm ứng, bên B tiến hành các công việc theo trình tự như sau:

1. Tiến hành công tác thăm dò, bao gồm: đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000, lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1/2.000, lấy mẫu, phân tích mẫu, tính toán trữ lượng và lập báo cáo kết quả thăm dò.

2. Bảo vệ Báo cáo kết quả thăm dò trước hội đồng thẩm định tỉnh Lạng Sơn.

3. Các nội dung khác:

- + Đảm bảo an toàn lao động và an ninh trong địa bàn làm việc.
- + Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các số liệu đã cung cấp cho Bên A.

- Xuất hóa đơn tài chính cho Bên A.

ĐIỀU 6: THAY ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng:

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có sự thay đổi bổ sung nhiệm vụ hoặc thay đổi khối lượng công việc, hai Bên sẽ bàn bạc để thống nhất bằng văn bản trước khi thực hiện.
- Mọi thay đổi, bổ sung của Hợp đồng này hai Bên phải lập và ký thành phụ lục Hợp đồng.

6.2. Chấm dứt Hợp đồng:

6.2.1. Chấm dứt khi các bên hoàn thành nghĩa vụ cam kết trong Hợp đồng.

6.2.2. Trong trường hợp Bên B bị giải thể hoặc phá sản, bị pháp luật cấm.

6.2.3. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo cho Bên B về các thiếu sót hoặc chậm trễ của Bên B trong việc thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng mà Bên B không có biện pháp khắc phục sửa chữa hoặc cố tình không sửa chữa.

6.2.4. Chấm dứt Hợp đồng do bất khả kháng: Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng theo quy định của pháp luật, khi các bên đã nỗ lực cố gắng tối đa trong 30 ngày nhằm khắc phục hậu quả để tiếp tục thực hiện Hợp đồng nhưng không thể khắc phục được thì Hợp đồng sẽ được chấm dứt.

6.3. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng:

Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo mục 6.2.2 và 6.2.3 việc thanh toán sẽ không được thực hiện. Bên B sẽ phải trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng của Bên A mà không được khấu trừ bất cứ 1 khoản tiền nào, đồng thời phải chịu sự bồi thường mọi thiệt hại phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo mục 6.2.4, Bên A phải thanh toán toàn bộ khối lượng và kinh phí do Bên B đã thực hiện theo đơn giá đã thỏa thuận trong hợp đồng.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên thống nhất ký bản hợp đồng kinh tế với các nội dung như trên để làm cơ sở cho việc triển khai các hạng mục công việc trên.
- Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng kinh tế, không được đơn phương sửa đổi hợp đồng này, không được tự ý hủy bỏ khi không có sự đồng ý của bên kia. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng bàn biện pháp giải quyết.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và bên A chuyển tiền tạm ứng cho bên B theo mục 4.1 điều 4 của hợp đồng.

Hợp đồng này gồm 05 trang, được lập thành 06 bản, mỗi bên giữ 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

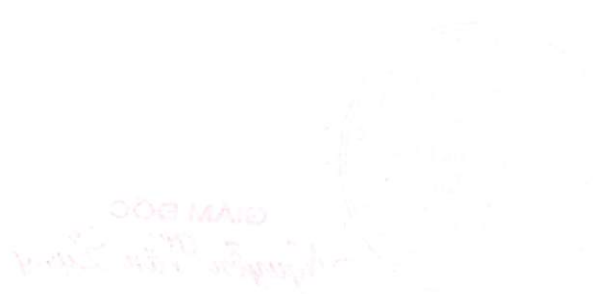


CHỦ NHIỆM
Bùi Hồng Quang

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Lạng



CHỦ NIỆM
ĐẠI HỘI

